

THỰC HÀNH VỀ THÀNH NGỮ, ĐIỂN CỐ _____

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

- Nâng cao hiểu biết về thành ngữ và điển cố, về tác dụng biểu đạt của chúng, nhất là trong các văn bản văn chương nghệ thuật.
- Cảm nhận được giá trị của thành ngữ và điển cố.
- Biết cách sử dụng thành ngữ và điển cố trong những trường hợp cần thiết.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

- Đây là bài thực hành, chỉ hướng dẫn HS làm bài tập, không giảng lí thuyết.
- Qua việc làm bài tập, HS cần củng cố và nâng cao kiến thức về thành ngữ, điển cố ; đồng thời nâng cao kĩ năng phân tích thành ngữ, điển cố và kĩ năng sử dụng các thành ngữ, điển cố khi cần thiết.

2. Trọng tâm bài học

Qua việc làm bài tập, GV hướng dẫn HS ôn lại và nâng cao những kiến thức sau :

a) Trong hệ thống ngôn ngữ, *thành ngữ* là một loại đơn vị ngôn ngữ có vai trò tổ chức câu (lời nói) tương đương với từ và cụm từ tự do (ngữ), chứ không phải tương đương với câu (tương đương với câu là tục ngữ). Thành ngữ là loại cụm từ cố định, đã hình thành từ trước, thuộc loại đơn vị có sẵn, chứ không phải sản phẩm nhất thời trong giao tiếp như cụm từ tự do. Hơn nữa, thành ngữ còn có những giá trị nổi bật về :

– Tính hình tượng : Thành ngữ thường dùng cách nói có hình ảnh cụ thể (*thuận buồm xuôi gió, mẹ tròn con vuông,...*).

– Tính khái quát về nghĩa : Tuy dùng hình ảnh cụ thể, nhưng thành ngữ lại có mục đích nói về những điều có tính khái quát cao, có chiều sâu và bề rộng. Vì vậy nghĩa của thành ngữ thường mang tính triết lí sâu sắc, thâm thúy, hàm súc.

– Tính biểu cảm : Mỗi thành ngữ thường có sắc thái biểu cảm, thể hiện cả thái độ đánh giá và tình cảm của con người.

– Tính cân đối, có nhịp và có thể có vần. Điều này làm cho thành ngữ dễ nhớ, dễ thuộc.

Ở *Ngữ văn 7*, tập một, HS đã học về thành ngữ. Qua các bài tập, GV cần khắc sâu những kiến thức cơ bản về thành ngữ.

b) Gần với thành ngữ là các *điển cố*. Điển cố không có tính chất cố định về cấu tạo như thành ngữ (không phải là những cụm từ cố định, chặt chẽ, có sẵn). Điển cố xuất phát từ những sự kiện, sự tích cụ thể trong các văn bản quá khứ hoặc trong cuộc sống đã qua để nói lên những điều khái quát trong cuộc sống của con người. Điển cố cũng như thành ngữ thường có hình thức ngắn gọn (gồm một từ hay một cụm từ nhắc gọi được sự kiện cũ), nhưng nội dung ý nghĩa lại hàm súc. Trong các văn bản văn chương, nhất là các văn bản cổ, điển cố được dùng với tần số cao. Ngày nay, trong văn học cũng như trong giao tiếp nói chung, có thể hình thành những điển cố mới. Muốn sử dụng và lĩnh hội được điển cố, phải có vốn sống, vốn tri thức văn hoá phong phú, sâu rộng.

Những kiến thức về thành ngữ và điển cố trên đây không trình bày trực tiếp trong bài mà thông qua các bài tập thực hành, GV củng cố và nâng cao cho HS.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV hướng dẫn cho HS lần lượt giải các bài tập, thông qua đó, củng cố, nâng cao kiến thức và kĩ năng sử dụng thành ngữ và điển cố.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

Bài tập 1

– GV cho HS đọc đoạn thơ rồi tìm các thành ngữ trong đoạn thơ, đồng thời giải nghĩa các thành ngữ đó.

+ *Một duyên hai nợ*: ý nói một mình phải đảm đương công việc gia đình để nuôi cả chồng và con.

+ *Năm nắng mười mưa*: vất vả cực nhọc, chịu đựng dài lâu nắng mưa.

Nếu so sánh hai thành ngữ trên với các cụm từ thông thường (một mình phải nuôi cả chồng và con; làm lụng vất vả dưới nắng mưa) thì thấy các thành ngữ ngắn gọn, cô đọng, cấu tạo ổn định, đồng thời qua hình ảnh cụ thể, sinh động thể hiện nội dung khái quát và có tính biểu cảm.

– Các thành ngữ trên phối hợp với nhau và phối hợp với cả các cụm từ có dáng dấp thành ngữ như *lặn lội thân cò*, *eo sèo mặt nước* đã khắc hoạ rõ nét hình ảnh một người vợ vất vả, tần tảo, đảm đương, tháo vát trong công việc gia đình. Cách biểu

hiện rất ngắn gọn nhưng nội dung thể hiện được đầy đủ, lại sinh động, cụ thể. Điều đó là nhờ dùng thành ngữ.

Bài tập 2

– Thành ngữ *đầu trâu mặt ngựa* biểu hiện được tính chất hung bạo, thú vật, vô nhân tính của bọn quan quân đến nhà Thuý Kiều khi gia đình nàng bị vu oan.

– Thành ngữ *cá chậu chim lồng* biểu hiện được cảnh sống tù túng, chật hẹp, mất tự do.

– Thành ngữ *đội trời đạp đất* biểu hiện được lối sống và hành động tự do, ngang tàng, không chịu sự bó buộc, không chịu khuất phục bất cứ uy quyền nào. Nó dùng để nói về khí phách hào hán, ngang tàng của Từ Hải.

Các thành ngữ trên đều dùng hình ảnh cụ thể và đều có tính biểu cảm : thể hiện sự đánh giá đối với điều được nói đến.

Bài tập 3

– *Giường kia* : gọi lại chuyện về Trần Phồn thời Hậu Hán dành riêng cho bạn là Từ Trĩ một cái giường khi bạn đến chơi, khi bạn về lại treo giường lên.

– *Đàn kia* : gọi lại chuyện Chung Tử Kỳ nghe tiếng đàn của Bá Nha mà hiểu được ý nghĩ của bạn. Do đó sau khi bạn chết, Bá Nha treo đàn không gảy nữa vì cho rằng không có ai hiểu được tiếng đàn của mình.

Từ sự phân tích hai điển cố trên, GV gợi dẫn để HS đi đến những nhận định về đặc điểm của điển cố (như phần *Trọng tâm bài học*) và một số nội dung sau đây :

Cả hai điển cố trên đây đều được dùng để nói về tình bạn thắm thiết, keo sơn. Chữ dùng ngắn gọn mà biểu hiện được tình ý sâu xa, hàm súc. Điển cố chính là những sự việc trước đây, hay câu chữ trong sách đời trước được dẫn ra và sử dụng lồng ghép vào bài văn, vào lời nói để nói về những điều tương tự. Mỗi điển cố như một sự việc tiêu biểu, điển hình mà chỉ cần gợi nhắc đến là đã chứa đựng điều định nói. Cho nên, điển cố có tính ngắn gọn, hàm súc, thâm thúy. Tuy nhiên, muốn sử dụng và lĩnh hội được điển cố thì cần có vốn sống và vốn văn hoá phong phú.

Bài tập 4

– *Ba thu* : *Kinh Thi* có câu : "Nhất nhật bất kiến như tam thu hề" (Một ngày không thấy mặt nhau lâu như ba mùa thu). Dùng điển cố này, câu thơ trong *Truyện Kiều* muốn nói khi Kim Trọng đã tương tư Thuý Kiều thì một ngày không thấy mặt nhau có cảm giác lâu như ba năm.

– *Chín chữ* : *Kinh Thi* kể chín chữ nói về công lao của cha mẹ đối với con cái là *sinh, cúc, phủ, súc, trưởng, dục, cố, phục, phúc*. Dẫn điển cố này, Thuý Kiều nghĩ đến công lao của cha mẹ đối với bản thân mình, mà mình thì sống biệt lập nơi đất khách quê người, chưa hề báo đáp được cha mẹ.

– *Liều Chương Đài* : gọi chuyện xưa của người đi làm quan ở xa, viết thư về thăm vợ, có câu : "Cây liễu ở Chương Đài xưa xanh xanh, nay có còn không, hay là tay khác đã vin bẻ mất rồi". Dẫn điển cố này, Thuý Kiều mừng tượng đến cảnh Kim Trọng trở lại thì nàng đã thuộc về người khác mất rồi.

– *Mắt xanh* : Nguyễn Tịch đòi Tấn quý ai thì tiếp bằng mắt xanh (lòng đen của mắt), không ưa ai thì tiếp bằng mắt trắng (lòng trắng của mắt). Dẫn điển cố này, Từ Hải muốn nói với Thuý Kiều rằng chàng biết Thuý Kiều ở chốn lầu xanh, hằng ngày phải tiếp khách làng chơi, nhưng chưa hề ưa ai, bằng lòng với ai. Câu nói thể hiện lòng quý trọng, đề cao phẩm giá của nàng Kiều.

Bài tập 5

a) – *Ma cũ bắt nạt ma mới* : người cũ cậy quen biết nhiều mà lên mặt, bắt nạt, dọa dẫm người mới đến. Có thể thay bằng cụm từ : *bắt nạt người mới*.

– *Chân ướt chân ráo* : vừa mới đến, còn lạ lẫm.

b) *Cưỡi ngựa xem hoa* : làm việc qua loa, không đi sâu, đi sát, không tìm hiểu thấu đáo, kĩ lưỡng giống như người cưỡi ngựa (đi nhanh), thì không thể ngắm kĩ để phát hiện vẻ đẹp của bông hoa. Có thể thay bằng : *qua loa*.

Nhìn chung, nếu thay các thành ngữ bằng các từ ngữ thông thường tương đương thì có thể biểu hiện được phần nghĩa cơ bản nhưng mất đi phần sắc thái biểu cảm, mất đi tính hình tượng, mà sự diễn đạt lại có thể phải dài dòng.

Bài tập 6

GV lưu ý HS khi dùng thành ngữ để đặt câu, cần phải :

– Tìm hiểu kĩ ý nghĩa và cách dùng của từng thành ngữ, cả nghĩa biểu hiện và sắc thái biểu cảm. Ví dụ thành ngữ *trúng khôn hơn vịt* không phải để khẳng định ưu thế, sự vượt trội của lớp trẻ so với lớp già, mà trái lại để phủ định quan niệm và thói chơi trội của những kẻ ít tuổi, tuy còn non nớt, nhưng kiêu căng, ngạo mạn, muốn vượt trội, muốn dạy khôn cho người từng trải. Vì vậy để dùng thành ngữ cho chính xác, HS cần tra cứu từ điển.

– Dùng thành ngữ phù hợp với nội dung, ý nghĩa của cả câu.

Tham khảo một số câu sau :

+ *Nói với nó như nước đổ đầu vịt, chẳng ăn thua gì.*

+ *Đó là bọn người lòng lang dạ thú, hãm hại người vô tội đến chết đi sống lại.*

+ *Nhà thì nghèo, nhưng lại quen thói con nhà lính, tính nhà quan.*

+ *Mọi người chả đi guốc trong bụng nó rồi ấy chứ!*

Bài tập 7

Lưu ý : Có những điển cố mới hình thành nhưng có sự phổ biến khá rộng. Muốn hiểu và sử dụng điển cố phải nắm được nguồn gốc của nó. Chẳng hạn, điển cố *Chí Phèo* gắn với truyện *Chí Phèo* của Nam Cao, điển cố *A.Q* bắt nguồn từ tác phẩm *A.Q chính truyện* của Lỗ Tấn. Cũng như thành ngữ, mỗi điển cố ngoài phần nghĩa biểu hiện cơ bản còn có sắc thái biểu cảm. Vì vậy, khi sử dụng cần chú ý sự phù hợp ở cả hai phương diện này.

Tham khảo một số câu có dùng điển cố sau đây :

+ *Ở thời buổi bấy giờ thiếu gì những gã Sô Khanh chuyên lừa gạt những phụ nữ thật thà, ngay thẳng.*

+ *Lốp trẻ đang tẩn công vào những lĩnh vực mới với sức trai Phù Đổng.*

+ *Chỗ ấy chính là cái gót chân A-sin của đối phương đấy.*

+ *Dạo này nó chẳng khác gì chúa Chổm.*

+ *Phải có bản lĩnh trong công việc, tránh tình trạng đèo cày giữa đường.*

III – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1981.
2. Nguyễn Ngọc San (Chủ biên), *Từ điển điển cố văn học trong nhà trường*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
3. Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển giải thích thành ngữ tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.